TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 474/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, Ngày 30 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 567/2018/TLST- VHNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 8 ngách 379/8 đường Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1956.

Hộ khẩu thường trú: 70 phố V 3, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Nơi ở: số 6 phố Đ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2006 tại Đại Sứ Quán Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng Hoà S (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị T** và ông **Nguyễn Văn H** thống nhất thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung**: Bà T, ông H không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Ông bà không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về các khoản vay nợ: Ông bà không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

II. Về lệ phí Toà án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008118 ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Đại Sứ Quán Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng Hoà S.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoài Phương